

**TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
-----o0o-----



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203002740 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp  
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006  
Đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 09 tháng 04 năm 2009)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Phần I: Lịch sử hoạt động của Công ty</b>	<b>3</b>
1. Những sự kiện quan trọng	3
2. Quá trình phát triển	4
3. Hoạt động kinh doanh	6
4. Định hướng phát triển	14
<b>Phần II: Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty</b>	<b>19</b>
1. Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2010	19
2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010	20
3. Những thay đổi chủ yếu trong năm	20
4. Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới	21
<b>Phần III: Báo cáo của Ban Tổng giám đốc Công ty</b>	<b>23</b>
1. Báo cáo tình hình tài chính	23
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	24
3. Các giải pháp chính đã áp dụng	27
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	28
<b>Phần IV: Báo cáo tài chính</b>	<b>30</b>
<b>Phần V: Bản giải trình Báo cáo tài chính và Báo cáo kiểm toán</b>	<b>52</b>
<b>Phần VI: Các Công ty có liên quan</b>	<b>54</b>
<b>Phần VII: Tổ chức và nhân sự</b>	<b>54</b>
1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của Công ty	55
2. Chính sách đối với người lao động	56
<b>Phần VIII: Thông tin cổ đông và quản trị Công ty</b>	<b>58</b>
1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	58
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông	71



## PHẦN I: LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

#### ➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

**Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP** đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 27 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

#### ➤ Niêm yết cổ phiếu



Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 93/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2008.

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 09/09/2008
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

## **2. QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN**

### **➤ Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Kinh doanh vận tải biển;
- Khai thác cầu cảng, kho bãi và dịch vụ giao nhận kho vận;
- Dịch vụ đại lý tàu;
- Dịch vụ đại lý vận tải nội địa, đại lý;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá;
- Dịch vụ khai thuế hải quan;
- Dịch vụ hợp tác lao động;
- Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

### **➤ Tình hình hoạt động**

#### **Vận tải đường biển:**

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội



ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu "VINASHIP" trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Larfarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

**Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức:** Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

**Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận:** VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.



Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

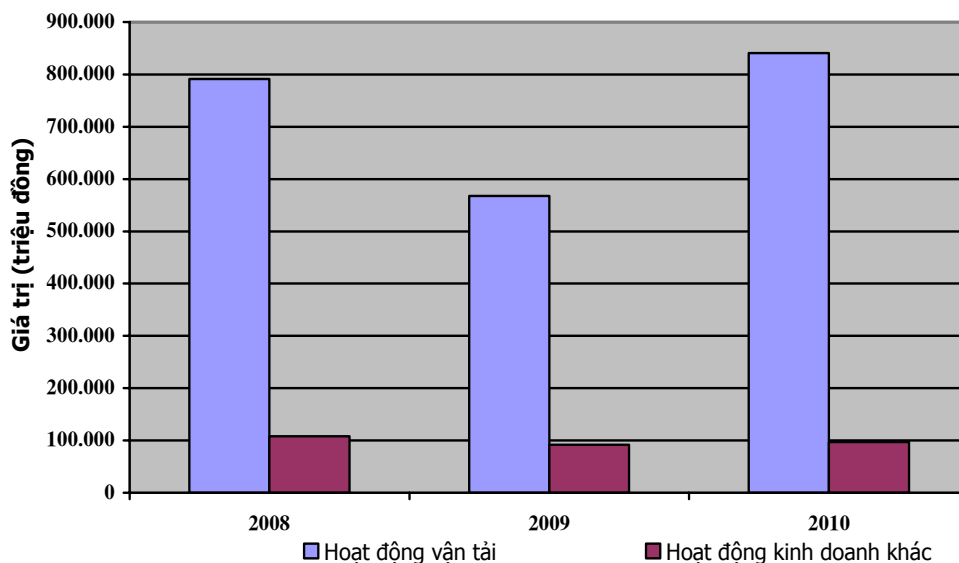
So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

### 3. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### ➤ Giá trị dịch vụ qua các năm

**Bảng 1: Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm**

Sản phẩm	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%)
1. Hoạt động vận tải	791.405	87,98	567.560	86,07	840.915	89,64
2. Hoạt động kinh doanh khác	108.106	12,02	91.823	13,93	97.235	10,36
2.1. Dịch vụ hàng container	102.172	11,36	69.340	10,52	63.549	6,77
2.2. Dịch vụ khác	5.934	0,66	22.483	3,41	33.686	3,59
Tổng cộng	899.511	100	659.383	100	938.150	100



**Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Công ty qua các năm**

Cuộc khủng hoảng kinh tế, tài chính đã ảnh hưởng rất xấu tới ngành vận tải biển, tuy nhiên đã có dấu hiệu phục hồi trong năm 2010. Qua số liệu thống kê về doanh thu của Vinaship giai đoạn từ 2008 đến nay có thể thấy, doanh thu trong lĩnh vực vận tải biển năm 2009 sụt giảm mạnh so với năm 2008, chỉ bằng 71% so với năm 2008, nhưng trong năm 2010, doanh thu trong lĩnh vực này đã tăng 148% so với năm trước. Điều này thể hiện sự cố gắng vượt bậc của Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty trong bối cảnh mà nhiều doanh nghiệp trong ngành còn gặp nhiều khó khăn

#### ➤ **Nguồn nguyên vật liệu**

Dầu nhiên liệu và dầu Diesel là những nguyên liệu chính yếu Công ty sử dụng cho các phương tiện vận tải trong hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Nguồn cung ứng các nguyên liệu là các công ty xăng dầu trong nước. Nhìn chung lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định nhà nước. Theo ước tính của Vinaship thì chi phí nhiên liệu chiếm khoảng từ 25% - 35% trong giá thành vận chuyển. Do vậy, khi giá xăng dầu có biến động, sẽ ảnh hưởng lớn tới chi phí kinh doanh và giá thành vận chuyển của Công ty.

Các yếu tố đầu vào khác như sửa chữa tàu biển, cung ứng vật tư, thiết bị hàng hải thường do các xưởng sửa chữa tàu biển chuyên nghiệp, các hãng cung ứng thiết bị, các nhà kinh



doanh vật tư hàng hải trong và ngoài nước cung cấp. Nhìn chung, ngoài trừ các vật tư quý hiếm phải đặt trực tiếp từ các nhà chế tạo nước ngoài, số còn lại đều có thể tìm kiếm trên thị trường trong nước.

**➤ Chi phí sản xuất**

Nhận thức rõ, giá nguyên liệu có ảnh hưởng lớn tới giá cước vận tải từ đó ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty, Vinaship đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm quản lý chi phí nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm. Cụ thể, Công ty xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho từng tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng phương tiện so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nguyên, nhiên liệu là thấp nhất. Công ty luôn cập nhật thông tin về giá xăng dầu trong khu vực và trên thế giới cũng như các nước mà Công ty có tuyến vận tải. Khi các nước có giá nhiên liệu thấp hơn Việt Nam, tàu sẽ được nạp nhiên liệu tại cảng nước đó khi cập bến và ngược lại. Nhờ những biện pháp tích cực từ phía Công ty trong việc kiểm soát chặt chẽ tác động của biến động giá dầu lên hoạt động kinh doanh, tỷ trọng chi phí nguyên, nhiên vật liệu của Công ty trong giá thành vẫn ở mức độ phù hợp.

**Bảng 2: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty**

*Đơn vị: Triệu đồng*

Yếu tố chi phí	Năm 2008		Năm 2009		Năm 2010	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	757.830	84,25	623.028	94,49	799.686	85,29
Chi phí tài chính	31.745	3,53	32.433	4,92	92.615	9,87
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>12.412</i>	<i>1,38</i>	<i>22.957</i>	<i>3,48</i>	<i>56.535</i>	<i>6,03</i>
Chi phí bán hàng	16.150	1,80	13.286	2,01	20.716	2,21
Chi phí quản lý	30.778	3,42	25.288	3,84	28.305	3,02
Chi phí khác	2.058	0,23	168	0,03	2.775	0,30
<b>Tổng chi phí</b>	<b>838.561</b>	<b>93,22</b>	<b>694,203</b>	<b>105,28</b>	<b>944.097</b>	<b>100,63</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>899.511</b>	<b>100</b>	<b>659.383</b>	<b>100</b>	<b>938.149</b>	<b>100</b>



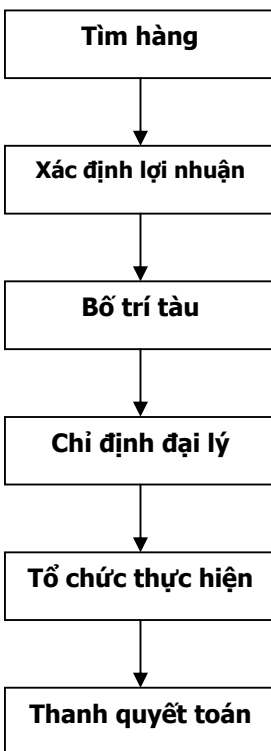


➤ **Trình độ công nghệ**

Quy trình cung cấp dịch vụ

Nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty thực hiện chuẩn hoá quy trình cung cấp dịch vụ đối với các loại hình dịch vụ của mình.

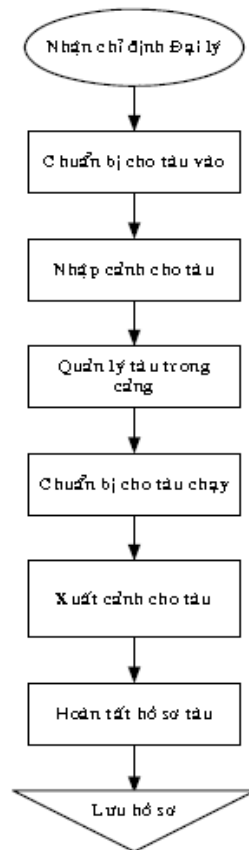
**Quy trình Vận tải biển**



**Diễn giải:**

Trong khai thác tàu, sau khi xác định được nguồn hàng, căn cứ vào các yêu cầu về hàng hóa, tuyến hoạt động, phương tiện dự kiến tham gia vận tải, thuyền viên ... để tính toán hiệu quả, xác định lợi nhuận theo phương án khai thác. Việc bố trí tàu cũng cần được thực hiện hợp lý đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan, đồng thời đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng phương tiện (thường là tuổi tàu), trọng tải, mớn nước, thuyền viên ... Việc thanh quyết toán được tiến hành căn cứ vào quy định trong hợp đồng vận tải và tuân thủ thông lệ quốc tế. Thông thường chủ tàu có quyền lưu giữ hàng hóa cho đến khi Người thuê tàu thanh toán đầy đủ cước theo quy định.

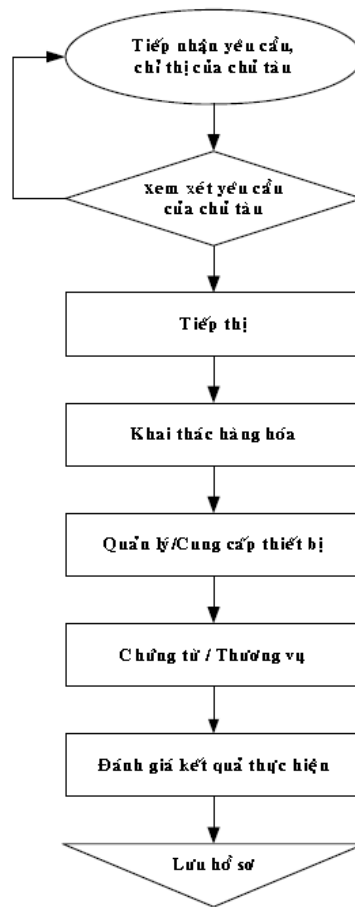
**Quy trình Đại lý tàu biển:**



**Diễn giải:**

Đại lý tàu biển có nhiệm vụ nhận các yêu cầu của chủ tàu nước ngoài về gom hàng, giao hàng và dàn xếp các công việc phục vụ tàu tại cảng trong thời gian tàu ở Việt Nam (làm thủ tục cho tàu ra vào cảng, xin hoa tiêu, xếp dỡ hàng hoá .v.v.). Đại lý tàu biển được chuyển hàng tại kho, đóng gói hàng, lưu kho, đăng ký hăng tàu (booking), làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hoá và các công việc khác để giao hàng tại địa điểm nhận theo yêu cầu.

**Quy trình Đại lý vận tải Container:**



### **Diễn giải:**

Đại lý vận tải Container là loại hình dịch vụ đặc biệt nằm trong hệ thống vận tải Container toàn cầu và khu vực. Đại lý được các công ty vận tải nước ngoài chỉ định làm công việc điều hành hoạt động khai thác vận tải Container, phục vụ các nhà xuất nhập khẩu bằng các tàu chở Container chạy theo lịch trình và tuyến định trước. Đại lý vận tải Container nhận sự uỷ thác của hãng tàu để thu xếp nhận hàng (Booking), tìm hàng, quản lý phương tiện Container, thu xếp tàu chạy nhánh (feeder), tiến hành thủ tục thanh toán với chủ hàng . v.v.

### **>Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Vinaship liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở



rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

#### ➤ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng đối với toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp. Việc quản lý chất lượng của Công ty do Ban An toàn đảm trách.

Chính sách chất lượng của Vinaship luôn luôn là cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Để đạt được những điều này, Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng dịch vụ và sản phẩm, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế, Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định trong lĩnh vực vận chuyển giao nhận.
- Công ty cũng tổ chức các lớp học đào tạo và đào tạo lại cho các Sĩ quan thuyền viên do các chuyên gia trong và ngoài nước tập huấn, đồng thời cử các kỹ sư, cán bộ trẻ đi học và tập huấn nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý, công tác.

#### ➤ **Hoạt động marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Vinaship cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing, đặc biệt khi Vinaship là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty, phân phối các sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Vinaship. Nhận thức được điều đó, gần đây, Vinaship cũng quan tâm tới việc xây dựng và quảng bá thương hiệu. Ngoài ra, mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận tìm kiếm khách hàng mới và



khách hàng có tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Các Trưởng, Phó phòng ban có trách nhiệm đề ra phương hướng, kế hoạch Marketing, đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện. Công việc chính của bộ phận Marketing là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường. Bao gồm:

❖ *Xác định khách hàng*

- Thực hiện nghiên cứu thị trường, giá cả, xác định tuyến vận tải mạnh, yếu của Công ty.
- Khai thác và tập hợp thông tin về các nhà xuất nhập khẩu để thực hiện khai thác.
- Thường xuyên liên lạc, thăm hỏi khách hàng, khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn.

❖ *Gặp gỡ khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ:*

- Dàn xếp những cuộc tiếp xúc với khách hàng để tìm ra những yêu cầu của họ về dịch vụ như: cước phí, thời gian vận chuyển, cảng đến và những yêu cầu đặc biệt của khách hàng cũng như về chứng từ.
- Xem lại các yêu cầu của khách hàng có phù hợp với chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty hay không và chuẩn bị những đề xuất chào bán dịch vụ bao gồm thông tin về nơi nhận hàng, cảng đích, điều khoản mua bán, cước phí, các phụ phí, ngày có hiệu lực, loại hình vận chuyển, tuyến đường, thời gian vận chuyển.

❖ *Chào giá*

- Đàm phán với khách hàng dựa trên tình hình thực tế thị trường, đồng thời luôn xem xét đến yếu tố hợp tác lâu dài đối với khách hàng truyền thống.

❖ *Chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty:*

- Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công trong kinh doanh của Công ty.
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ với giá cạnh tranh bằng cách:
  - Thao tác nghiệp vụ nhanh chóng, chính xác và an toàn.
  - Làm đúng ngay từ đầu.
  - Giao hàng đúng hẹn.
  - Đối với khách hàng là nhà sản xuất (Chủ hàng): tiếp cận, theo dõi, khuyến khích dựa trên chính sách của các hãng tàu.



- Đối với khách hàng là các hãng tàu: bám sát khâu nước ngoài và dành nhiều chính sách ưu đãi.

➤ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Vinaship đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Mẫu nhãn hiệu:



Bộ nhãn hiệu của công ty được đăng ký và bảo vệ theo Quyết định số 17715/QĐ-SHTT ngày 18/8/2009. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu: 10 năm kể từ ngày nộp đơn (30/5/2008)

Các dấu hiệu nhận dạng thương hiệu:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh lam, trắng, đen
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng

Danh mục các sản phẩm, dịch vụ được mang nhãn hiệu của Công ty:

- Nhóm 35: Mua bán công ten nơ, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tuyển dụng và xuất khẩu lao động, đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa
- Nhóm 36: Dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển
- Nhóm 39: Dịch vụ vận tải biển, đại lý tàu biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ bảo quản và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi

#### **4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

➤ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của



WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.

### ➤ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

#### **Đầu tư phát triển đội tàu**

Trong quý I năm 2010, Công ty đã hoàn thành giao dịch mua tàu Vinaship Sea trọng tải 27.800 DWT, đã nhận bàn giao tàu ngày 05/01/2010. Đồng thời trong năm 2010, Công ty đã bán thanh lý thành công 03 tàu cũ, khai thác không hiệu quả, tàu Hùng Vương 02 trọng tải



7.071 DWT đóng năm 1981, tàu Nam Định trọng tải 8.294 DWT đóng năm 1976 và tàu Ninh Bình trọng tải 8.294 DWT đóng năm 1975.

Ngày 21/12/2010, Công ty cũng đã ký Hợp đồng mua tàu chở hàng rời SEVEN OCEAN trọng tải 23.949 DWT, đóng năm 1996 tại Nhật Bản, dự kiến nhận bàn giao tàu trong tháng 3/2011 tới đây.

Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 16 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải gồm 208.000 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém. Để phát triển đội tàu, Công ty sẽ xem xét việc đóng tàu trong nước tại các xưởng của Vinashin hoặc tại nước ngoài (có thể là Trung Quốc nơi có chi phí nhân công rẻ và năng lực trình độ kỹ thuật tương đối phát triển) thông qua các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. Tuy nhiên, nhìn chung hình thức đầu tư đóng tàu mới hiện nay không được hấp dẫn do giá tàu đã qua sử dụng đang ở mức rất thấp, thời gian nhận tàu nhanh. Vì vậy với khả năng tài chính của mình, Công ty sẽ sử dụng nguồn vốn tự có và thông qua các tổ chức tín dụng trong nước và quốc tế để triển khai các dự án đầu tư Đội tàu.

Trong giai đoạn từ 2010 - 2015, Công ty sẽ thực hiện kế hoạch đầu tư mua các tàu đã qua sử dụng hoặc đóng mới có tải trọng từ 15.000 đến 30.000 DWT để phát triển đội tàu. Song song với việc đầu tư thêm tàu, Công ty cũng sẽ chủ động bán một số tàu có số tuổi đã cao cho phù hợp với thực tế cũng như tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tổng trọng tải Đội tàu Công ty đến năm 2015 (sau khi đầu tư mới và bán bớt những tàu già) vào khoảng 311.145 DWT, tuổi tàu bình quân dưới 19 tuổi.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Nguồn vốn đầu tư cho các dự án mua tàu dự kiến huy động từ các nguồn sau:

- ✓ Nguồn quỹ phát triển sản xuất, khấu hao cơ bản của Công ty
- ✓ Nguồn vay vốn ngân hàng
- ✓ Nguồn bán thanh lý các tàu cũ





**Bảng 3: Bảng kê đội tàu của công ty tại thời điểm 01/3/2010**

<b>STT</b>	<b>Tên con tàu</b>	<b>Năm đóng/Nơi đóng</b>	<b>Trọng tải (DWT)</b>	<b>Độ mớn nước (m)</b>	<b>Năm đưa vào sử dụng</b>
1	Tàu Bình Phước	1989/Nhật Bản	7.054	6,39	2001
2	Tàu Chương Dương	1974/Nhật Bản	11.587	7,915	2005
3	Tàu Hà Đông	1986/Hàn Quốc	6.700	7,00	2000
4	Tàu Hà Giang	1974/Nhật Bản	11.849	7,915	1974
5	Tàu Hà Nam	1985/Nhật Bản	6.500	6,9	2000
6	Tàu Hà Tiên	1986/Nhật Bản	7.018	7,42	2001
7	Tàu Hưng Yên	1974/Nhật Bản	11.849	7,86	1974
8	Tàu Mỹ An	1994/Nhật Bản	8.294	7,32	2003
9	Tàu Mỹ Hưng	2003/Việt Nam	6.500	6,9	2003
10	Tàu Mỹ Thịnh	1990/Nhật Bản	14.348	7,939	2004
11	Tàu Mỹ Vượng	1989/Nhật Bản	14.339	7,939	2004
12	Tàu Vinaship Ocean	1986/Nhật Bản	12.367	8,306	2007
13	Tàu Vinaship Diamond	1996/Nhật Bản	24.034	9,553	2009
14	Tàu Vinaship Gold	2008/Việt Nam	13.245	8,35	2008
15	Tàu Vinaship Pearl	1996/Nhật Bản	24.241	9,548	2009
16	Tàu Vinaship Sea	1998/Nhật Bản	27.841	9,65	2010

**Đầu tư xây dựng cơ bản:**

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên trong thời gian tới.



### **Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin**

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Trong năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

### **Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.



## PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2010

#### ❖ Các sự kiện nổi bật trong năm 2010

- Nhận cờ “Đơn vị thi đua xuất sắc năm 2010” của Chính Phủ.
- Nhận bằng khen của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam.
- Nhận bằng khen của Bộ quốc phòng.
- Nhận danh hiệu đơn vị quyết thắng của Bộ tư lệnh hải quân.

Năm 2010, Việt Nam cũng như các nước khác trên thế giới đã trải qua nhiều biến động bất lợi cho sự phát triển kinh tế. Chỉ số lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng tăng cao. Sự suy thoái của nền kinh tế thế giới trong năm 2009 dẫn tới giá nguyên vật liệu và nhu cầu tiêu dùng giảm, lượng hàng hoá xuất nhập khẩu giữa các nước trong khu vực và trên thế giới giảm mạnh ảnh hưởng trực tiếp đến ngành vận tải biển. Ngành vận tải biển vẫn đang trong giai đoạn khó khăn và tốc độ phục hồi còn khá chậm so với các ngành khác.

Giá cước hàng khô và hàng rời sụt giảm và đi ngang trong 3 quý cuối năm 2010. Trong các quý này, giá cước vận tải quốc tế đã sụt giảm so với quý 1/2010 trước lo ngại khủng hoảng nợ công châu Âu và Trung Quốc kiềm chế đà tăng trưởng nóng.

Nhu cầu vận chuyển các mặt hàng thô như quặng sắt, than đá, clinker ... từ Trung Quốc và một số các nước khác sụt giảm mạnh khiến giá cước vận tải hàng khô và hàng rời biến động bất lợi cho các hàng tàu nói chung và cho Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship nói riêng.

Bên cạnh đó lãi suất vay bằng ngoại tệ, cụ thể là lãi suất thả nổi SIBOR đang có xu hướng gia tăng từ quý 2/2010. Và từ đầu năm 2010 đến nay, NHNN đã 2 lần nới rộng tỷ giá đồng Việt Nam tổng cộng 5.7% càng làm tăng chi phí tài chính của các doanh nghiệp vận tải biển.

Trước những khó khăn của thị trường vận tải, Hội đồng quản trị của Công ty đã có những chỉ đạo kịp thời trong quản lý kinh doanh, các hoạt động khai thác và các phương án sửa chữa đội tàu Công ty, cắt giảm chi phí, thực hành tiết kiệm. Do đó, trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã đề ra.



## 2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010

**Bảng 4: Một số hệ số tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2010 (triệu đồng)	So sánh KH (%)	Năm 2009 (triệu đồng)	So sánh KH (%)	Năm 2008 (triệu đồng)	So sánh KH (%)
1	Tổng doanh thu	997.547	110,23	717.203	112,95	869.072	110,71
2	Lợi nhuận trước thuế	53.452	133,63	23.001	115	80.500	100,63
3	Nộp ngân sách	19.953	100	12.000	100	6.200	100
4	Chỉ tiêu cố tức (dự kiến)	15%/năm	100	15%/năm	100	20%/năm	100

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

### ❖ Đầu tư phương tiện năm 2010

Trong quý I năm 2010 Công ty đã hoàn tất mua tàu Vinaship Sea trọng tải 27.800 DWT, đã nhận bàn giao tàu vào ngày 05/01/2010.

Trong quý III năm 2010 Công ty đã bán thanh lý thành công 03 tàu: tàu Hùng Vương 02, tàu Nam Định, tàu Ninh Bình, tổng trọng tải của 3 tàu này là 23.659 DWT.

Tháng 12/2010 Công ty đã ký hợp đồng mua 01 tàu Seven Ocean trọng tải 23.949 DWT, dự kiến tàu được bàn giao vào tháng 3/2011.

### ❖ Đầu tư xây dựng bãi Container hậu phương tại phường Đông Hải

Nhằm đầu tư mở rộng bãi Container hậu phương tại phường Đông Hải sau khi bãi số I đã hoàn thiện, Công ty đã tiến hành mở rộng thêm bãi Container trên khu đất 1050 m<sup>2</sup> liền kề đưa tổng diện tích bãi lên khoảng 16.000 m<sup>2</sup> và hiện hoạt động của bãi đã ổn định và đem lại hiệu quả.

### ❖ Mở rộng tuyến khai thác vận tải

Trước đây đội tàu biển của Công ty chủ yếu hoạt động trên tuyến Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Sang năm 2009 và đặc biệt là năm 2010, sau khi đầu tư mua 03 tàu với trọng tải lớn kể trên, Công ty đã mở rộng tuyến khai thác vận tải, thực hiện chuyên chở trên cả khu vực châu Phi, châu Mỹ, châu Âu. Đây là bước ngoặt có ý nghĩa to lớn đối với đội tàu biển Công ty trong việc



mở rộng thị trường, thị phần kinh doanh đồng thời nâng cao tay nghề và tính chuyên nghiệp cho đội ngũ sỹ quan thuyền viên và đội ngũ quản lý của Công ty.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới**

Bước sang năm 2011, kinh tế thế giới đã phục hồi sau khủng hoảng nhưng vẫn tăng trưởng chậm. Năm 2011, châu Á được đánh giá là khu vực sẽ phục hồi sớm nhất. Đà phục hồi của kinh tế thế giới và châu Á sẽ phục thuộc nhiều vào sự phục hồi của kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, theo dự báo, kinh tế Mỹ vẫn phục hồi chậm. Như vậy, tình trạng thiếu vốn của các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam sẽ còn diễn ra, xuất khẩu sẽ còn gặp khó khăn.

Trước bối cảnh đó, ngành vận tải biển Việt Nam trong năm 2011 được dự đoán là sẽ hồi phục và nhộn nhịp hơn các năm trước nhưng duy trì ở mức trung bình và khó có nhiều khởi sắc.

Kinh tế thế giới tăng trưởng tốt hơn trong năm 2011 sẽ là điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, dự báo GDP 2010 của Việt Nam sẽ đạt 7% và Chính Phủ sẽ cố gắng duy trì lạm phát ở mức 1 con số; 3 yếu tố lạc quan tác động lên nhu cầu vận tải biển Việt Nam.

Tuy nhiên, mục tiêu ổn định nền kinh tế được ưu tiên hơn tăng trưởng nên sản xuất sẽ chưa có sự phát triển mạnh. Và trong bối cảnh kinh tế - tài chính trong nước và quốc tế vẫn còn nhiều bất ổn cần được giải quyết lâu dài thì cái nhìn về triển vọng ngành vận tải biển trong năm 2011 chưa thực sự lạc quan.

Trước triển vọng của nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty đã nhìn thấy nhiều cơ hội để đầu tư phát triển đội tàu, tăng năng lực cạnh tranh của Công ty cũng như lựa chọn, tuyển dụng nguồn nhân lực có tay nghề cao đặc biệt là đội ngũ sỹ quan thuyền viên.

#### ***Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2011:***

- ♦ Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát.
- ♦ Kết hợp với Ban điều hành nắm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính Phủ để điều chỉnh thường xuyên công tác quản lý, điều hành, hạn chế những thiệt hại cho doanh nghiệp, theo dõi sát sao biến động của thị trường để kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp
- ♦ Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty.



- ♦ Tổ chức các phiên họp định kỳ để nghe báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành, thảo luận thông qua các đề án, báo cáo, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ♦ Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- ♦ Thảo luận các phương án, kế hoạch và chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty.
- ♦ Nghiên cứu các phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt mục tiêu kinh doanh.

**PHẦN III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC****1. Báo cáo tình hình tài chính****1.1. Các hệ số tài chính****Bảng 5: Một số hệ số tài chính**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2009	Năm 2008
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản</b>				
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	11,34	14,69	23,28
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	88,66	85,31	76,72
<b>2</b>	<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>				
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	70,23	71,04	56,77
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	29,77	28,96	43,23
<b>3</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>				
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,42	0,47	0,77
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,31	0,35	0,56
<b>4</b>	<b>Tỷ suất lợi nhuận</b>				
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	3,44	1,64	11,69
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,32	2,68	9,05
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	11,56	5,68	27,05

**1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010****Bảng 6: Giá trị sổ sách tại 31/12/2010**

Tài sản (đ)		Nguồn vốn (đ)	
I. Tài sản ngắn hạn	133.769.336.789	I. Nợ phải trả	828.349.391.517
II. Tài sản dài hạn	1.045.643.859.827	II. Vốn chủ sở hữu	351.063.805.099
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.179.413.196.616</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.179.413.196.616</b>



### 1.3. Cổ tức năm 2010: 15% (3.000 đ/CP)

### 1.4. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2010

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 20.000.000 cổ phiếu  
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 20.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.000.000 cổ phiếu  
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Công ty không phát hành bất kỳ loại trái phiếu nào

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

### 2.1. Những thuận lợi, khó khăn

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

#### ❖ Thuận lợi

- Các tàu lớn do Công ty đầu tư trong năm 2009 với mức giá đầu tư hợp lý tiếp tục khai thác hiệu quả.

- Nguồn lao động là sỹ quan thuyền viên đã bớt căng thẳng, Công ty có điều kiện tốt để lựa chọn các lao động có năng lực, chuyên môn tốt hơn bố trí trên các con tàu.

- Nguồn hàng chính của Công ty vẫn được duy trì ổn định.

#### ❖ Khó khăn

##### *Khó khăn khách quan*

- Nền kinh tế thế giới đang trong giai đoạn hậu khủng hoảng nhưng tốc độ hồi phục không ổn định đã ảnh hưởng đến khối lượng hàng hoá luân chuyển giữa các nước, việc hạn chế nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc, hạn chế xuất khẩu lúa mì từ Nga tiếp tục ảnh hưởng mạnh đến thị trường vận tải đường biển. Tác động tiêu cực này được phản ánh rõ nét thông qua BDI (chỉ số cước vận tải quốc tế), sau khi tăng dần từ đầu quý II và đạt trên 4.200 điểm vào cuối tháng 5/2010, BDI lại suy giảm và còn dưới 1800 điểm vào cuối năm 2010. Đặc biệt mức cước vận tải phân khúc cho loại tàu hàng rời cỡ nhỏ đang giảm, hiện thấp hơn so với thời điểm đầu tháng 11/2009, và cước vận tải khu vực Đông Nam Á biến động mạnh, phụ thuộc vào nguồn hàng gạo xuất từ Việt Nam đi Philippines và Indonesia.





- Nền kinh tế trong nước đang gặp nhiều khó khăn như lạm phát, nhập siêu nên lãi suất liên tục biến động tăng, làm tăng các chi phí về lãi vay.

- Quy định mới về điều chỉnh tỷ giá giữa USD và VNĐ làm tăng chi phí cho các khoản đã đầu tư bằng dollar.

- Giá nhiên liệu những tháng đầu năm tuy có giảm nhưng vẫn không tương ứng với mức giảm của cước vận tải. Ngoài ra giá nhiên liệu gần đây đang có xu hướng tăng trở lại, gây khó khăn cho hoạt động vận tải.

*Khó khăn chủ quan*

- Hiện trạng đội tàu già (bình quân 21 tuổi), trọng tải nhỏ (bình quân 12,200 DWT/tàu) làm hạn chế khả năng cạnh tranh tìm kiếm nguồn hàng, mở rộng tuyến khai thác và làm tăng các chi phí sửa chữa, khai thác, bảo hiểm, chi phí quản lý, tiền lương ... Do đội tàu già, tình trạng kỹ thuật kém, tốc độ tàu không đảm bảo dẫn tới chi phí nhiên liệu tăng cao. Mặc dù Công ty có 9 tàu lớn (chiếm 139.120 DWT) cho thuê định hạn nhưng chi phí nhiên liệu vẫn chiếm khoảng 25% giá thành).

- Trong năm, Công ty còn có một số tai nạn hàng hải đáng tiếc (tàu Hà Giang, Bình Phước) làm phát sinh chi phí và ảnh hưởng tới ngày vận doanh đội tàu.

- Thị trường dịch vụ vận tải nhiều biến động, quy mô dịch vụ vận tải còn nhỏ nên có khó khăn về cạnh tranh và mở rộng sản xuất.

**2.2. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2010**

**❖ Các chỉ tiêu sản xuất chính**

Mặc dù trong năm có nhiều khó khăn, nhưng với chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành và đặc biệt là sự đoàn kết, cố gắng chung của toàn thể cán bộ công nhân viên, tập thể sỹ quan, thuyền viên, năm 2010 Công ty đã hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ thông qua:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2010	Kế hoạch 2010	So sánh (%)
1	Sản lượng vận tải	tấn	2.577.000	2.450.000	105,18%
2	Tổng doanh thu	đồng	929.914.000.000	905.000.000.000	102,75%
	+ Vận tải	-	840.914.000.000	820.000.000.000	102,55%
	+ Dịch vụ	-	89.000.000.000	85.000.000.000	104,7%
	+ Doanh thu khác	-	55.528.408.084	-	-



3	Lợi nhuận trước thuế	-	52.000.000.000	40.000.000.000	136,42%
4	Nộp ngân sách	-	19.953.000.000		100%
5	Đầu tư	tàu	Mua 01, bán 03		100%

❖ **Hoạt động dịch vụ**

**Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và dịch vụ:** Thị trường vận tải hàng container luôn biến động, tuy nhiên Xí nghiệp Xếp dỡ đã có nhiều cố gắng để ổn định và phát triển sản xuất. Doanh thu đạt 31.949.000.000 đồng, lợi nhuận ước đạt 2.013.000.000 đồng

**Xí nghiệp Dịch vụ - Vận tải:** Trong năm 2010 mặc dù có khó khăn về vốn, Xí nghiệp đã có nhiều cố gắng để tăng sản lượng vận tải và hiệu quả kinh doanh. Doanh thu thuần đạt 3,8 tỷ đồng, lợi nhuận ước đạt 600.000.000 đồng.

❖ **Hoạt động đầu tư**

**Đầu tư tàu**

Thực hiện Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 về đầu tư phát triển, trong năm 2010 Công ty đã tiến hành kiểm tra, giám định 07 tàu, và đã ký hợp đồng mua thành công 01 tàu Seven Ocean 23.949 DWT, đóng năm 1996 tại Nhật Bản. Dự kiến tàu được bàn giao vào tháng 3/2011.

**Bán các tàu già**

Trong năm 2010, Công ty đã triển khai bán thành công 03 tàu già (trên 30 tuổi), khai thác không hiệu quả với tổng trọng tải 23.659 DWT.

**Đầu tư xây dựng mở rộng bãi container hậu phương**

Sau khi bãi Container bước đầu đi vào khai thác ổn định, Công ty đã tiến hành mở rộng thêm trên khu đất 1020 m<sup>2</sup> liền kề làm văn phòng và nhà làm việc cho cán bộ hải quan. Tổng diện tích bãi hiện là 17.000 m<sup>2</sup>.

❖ **Công tác tài chính**

Mặc dù Công ty trong tình trạng thiếu vốn lưu động tuy nhiên vẫn đảm bảo các khoản thanh toán kịp thời và đúng hạn. Trong năm, Công ty đã thanh toán tiền gốc 5.120.000 USD và 19 tỷ đồng cho các khoản đầu tư tàu và 55 tỷ đồng cho các khoản lãi vay.

❖ **Công tác tiền lương**



Công ty đã thường xuyên cải tiến phương án trả lương cho sỹ quan thuyền viên và khối phòng ban phục vụ để khuyến khích người lao động yên tâm công tác. Trong năm 2010, mặc dù kinh tế có khó khăn nhưng Công ty vẫn giữ được mức lương ổn định, thu nhập bình quân người lao động đạt 9,8 triệu đồng/tháng.

**❖ Phong trào đoàn thể và công tác khác**

Công ty đã tổ chức và duy trì được phong trào văn nghệ, thể dục thể thao tại Công ty tạo được khí thế vui tươi, phấn khởi trong lao động sản xuất.

Công ty đã thực hiện tốt pháp lệnh dân quân tự vệ, tổ chức tốt việc tập luyện cho các chiến sỹ tự vệ tại khối phòng ban, tham gia hội thao quân sự biển khu vực. Tổ chức thực hiện tốt phương án tác chiến phòng chống cướp biển đối với tàu vận tải, thường xuyên thông báo tình hình an ninh biển, phối hợp chặt chẽ với Bộ tư lệnh Hải quân góp phần tích cực trong công tác bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển. Trong năm 2010, Công ty đã được trao cờ thi đua "Đơn vị quyết thắng" và giấy khen của Sở Công an thành phố Hải Phòng về công tác đảm bảo an ninh khu vực 10 năm liên tiếp.

Trong năm, Công ty đã làm tốt các công tác xã hội như ủng hộ gia đình thương binh, gia đình liệt sỹ, ủng hộ quỹ xoá đói, giảm nghèo, ủng hộ đồng bào chịu hậu quả của bão lụt, ủng hộ quỹ vì trẻ em khuyết tật, quỹ đền ơn, đáp nghĩa ... với tổng số tiền là 290.000.000 đồng.

**3. Các giải pháp chính đã áp dụng**

**❖ Khai thác**

- Áp dụng linh hoạt hình thức cho thuê định hạn kết hợp với khai thác chuyển để có được mức cước tốt cũng như giảm được áp lực về vốn lưu động, giảm chi phí lãi vay.

- Làm tốt công tác thị trường, tập trung khai thác các nguồn hàng mới, duy trì thường xuyên mối quan hệ tốt với khách hàng để duy trì được thị phần hàng hoá truyền thống.

- Làm tốt công tác phục vụ đội tàu tại các đầu bến, có nhiều biện pháp linh hoạt rút ngắn thời gian quay vòng, nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

**❖ Quản lý kỹ thuật, vật tư**

- Duy trì và tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng để giảm chi phí sửa chữa, ngăn ngừa tổn thất.

- Tiến hành rà soát định mức lại vật tư, nhiên liệu cấp phát cho các tàu.

- Thường xuyên cập nhật, theo dõi thị trường nhiên liệu, vật tư ... để có phương án cấp phát linh hoạt nhằm giảm chi phí mua sắm.



- Tăng cường công tác giám sát trong lĩnh vực sửa chữa , cấp phát vật tư tại các đầu bến.

❖ **Hoạt động đầu tư**

Việc bán thành công 03 tàu già cũ đã giảm được lỗ do các tàu khai thác không hiệu quả đồng thời đem lại khoản lợi nhuận và tạo ra nguồn vốn để đầu tư tàu trọng tải lớn, tuổi tàu trẻ hơn.

❖ **Dịch vụ**

Đẩy mạnh hoạt động khai thác hàng hoá, hoạt động đại lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và hàng container. Đồng thời áp dụng các biện pháp quản lý chi phí, thu hồi công nợ để tăng hiệu quả.

❖ **Công tác nhân sự, thuyền viên**

- Tăng cường công tác tuyển dụng, trong năm 2010 đã tuyển dụng được 40 kỹ sư trẻ mới tốt nghiệp để điều động trên các con tàu.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo lại, mở 02 lớp huấn luyện về nghiệp vụ, 02 lớp dạy tiếng Anh, tranh thủ kinh nghiệm của một số thuyền trưởng, máy trưởng để phổ biến kiến thức cho khối thuyền viên.

- Xây dựng quy chế tiền lương mới để kích thích người lao động làm việc có trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động.

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Bước vào thực hiện kế hoạch năm 2011, do còn nhiều bất ổn của nền kinh tế thế giới dẫn tới khối lượng hàng luân chuyển chịu nhiều biến động, việc tăng giá cước vận tải là điều khó xảy ra. Không những vậy, chỉ số BDI liên tục giảm vào cuối năm 2010 đã ảnh hưởng tiêu cực tới giá thuê một số tàu lớn của Công ty (tàu Vinaship Sea, Vinaship Diamond và Vinaship Pearl).

Đội tàu Công ty vẫn còn 03 tàu trên 35 tuổi với tổng trọng tải 35.400 DWT sẽ khó khăn nhất định trong cạnh tranh tìm kiếm nguồn hàng.

Với dự kiến tình hình thị trường, nguồn hàng và năng lực đội tàu như trên, Công ty dự kiến đề ra các chỉ tiêu chủ yếu cho năm 2011 như sau:

**4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011.**

- Đội tàu : 207.900 DWT/16 chiếc (trong đó có 6 tàu phải lên đà sửa chữa)
- Sản lượng: 2.600.000 tấn
- Tổng doanh thu: 930.000.000.000 đồng



Trong đó: + Doanh thu vận tải: 840.000.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 90.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 40 tỷ đồng.

- Đầu tư

+ Mua 1 tàu trọng tải 15.000 – 45.000 DWT

+ Ký hợp đồng đóng mới và đặt keel 01 tàu 34.000 DWT tại Tổng Công ty CNTT  
Phà Rừng

+ Bán 02 – 03 tàu già, cũ, khai thác không hiệu quả

#### **4.2. Các biện pháp cơ bản**

Để đạt được những mục tiêu trên, Công ty tiếp tục thực hiện tốt những biện pháp cơ bản sau:

##### ***Khai thác***

- Tiếp tục áp dụng linh hoạt các hình thức cho thuê khác nhau trên các tuyến khác nhau để có được mức cước tốt cũng như giảm được áp lực về vốn lưu động, giảm chi phí lãi vay.

- Tiếp tục làm tốt công tác thị trường, duy trì nguồn hàng truyền thống và khai thác các nguồn hàng mới, cho tàu khai thác worldwide.

- Tăng cường công tác đôn đốc, giải phóng tàu để tăng vòng quay phương tiện, cải thiện doanh thu

##### ***Quản lý kỹ thuật, vật tư***

- Tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng, quản lý kỹ thuật, giữ gìn tốt phương tiện và chỉ đạo thực hiện tốt các quy trình quy phạm trong bảo quản, vận hành sản xuất, bảo đảm an toàn về phương tiện, hàng hoá, con người và môi trường để nâng cao thời gian vận doanh, giảm thời gian sửa chữa.

- Đẩy mạnh công tác quản lý nhiên liệu vật tư và sửa chữa.

##### ***Hoạt động đầu tư***

- Phát triển 01 tàu trọng tải 15 – 45.000 DWT, triển khai đóng mới 01 tàu 34.000 DWT.

- Triển khai bán một số tàu già cũ, hiện đang khai thác không hiệu quả để tạo nguồn vốn đối ứng đầu tư tàu trọng tải lớn, tuổi tàu trẻ hơn.

##### ***Hoạt động dịch vụ***



- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong các lĩnh vực đại lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, forwarding ..., tăng cường công tác quản lý để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đơn đốc công tác thu hồi công nợ.

***Công tác tài chính***

- Hoàn thiện chương trình tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng
- Tích cực huy động nguồn vốn nhằm phục vụ công tác đầu tư và đóng mới tàu.

***Công tác nhân sự, thuyền viên***

- Tăng cường công tác tuyển dụng hướng tới đội ngũ kỹ sư trẻ mới tốt nghiệp đại học để bố trí trên các con tàu

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao chất lượng sỹ quan, thuyền viên, cán bộ quản lý. Nâng cao kỷ luật lao động.

- Tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

**PHẦN IV: BÁO CÁO TÀI CHÍNH****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2010	NGÀY 1/1/2010
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>133.769.336.789</b>	<b>157.699.762.591</b>
<b>(100=110+120+130+140+150)</b>				
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>20.082.077.511</b>	<b>77.548.960.147</b>
1- Tiền	111		18.082.077.511	77.548.960.147
2- Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III- Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>39.987.807.619</b>	<b>25.292.673.675</b>
1- Phải thu của khách hàng	131		29.633.665.559	20.528.394.273
2- Trả trước cho người bán	132		6.445.113.411	38.000.000
3- Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
5- Các khoản phải thu khác	135		4.004.858.649	4.726.279.402
6- Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(95.830.000)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>34.530.554.570</b>	<b>41.032.651.148</b>
1- Hàng tồn kho	141		34.530.554.570	41.032.651.148
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>39.168.897.089</b>	<b>13.825.477.621</b>
1- Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.579.389.180	658.647.158
2- Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.708.673.750	3.995.057.063
3- Thuế và các khoản thuế phải thu Nhà nước	154		-	229.269.490
5- Tài sản ngắn hạn khác	158		34.880.834.159	8.942.503.910
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.045.643.859.827</b>	<b>915.469.956.238</b>
<b>(200=210+220+240+250+260)</b>				
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1- Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2- Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3- Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4- Phải thu dài hạn khác	218		-	-
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.032.095.491.307</b>	<b>900.021.614.799</b>
1- Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	1.031.966.311.834	872.892.218.157
- Nguyên giá	222		1.565.649.919.432	1.355.407.450.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(533.683.607.598)	(482.515.232.778)
2- Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3- Tài sản cố định vô hình	227		3.676.973	37.707.011
- Nguyên giá	228		116.699.500	116.699.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113.022.527)	(78.992.489)
4- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		125.502.500	27.091.689.631
<b>III- Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>-</b>	<b>178.177.439</b>
- Nguyên giá	241		5.812.037.477	5.812.037.477
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.812.037.477)	(5.633.860.038)
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.548.368.520</b>	<b>15.270.164.000</b>
3- Đầu tư dài hạn khác	258	<b>10</b>	22.172.327.645	22.281.123.125
4- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(8.623.959.125)	(7.010.959.125)
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
3- Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.179.413.196.616</b>	<b>1.073.169.718.829</b>



NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2010	NGÀY 1/1/2010
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>828.349.391.517</b>	<b>762.352.439.716</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>318.055.026.055</b>	<b>333.203.069.184</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	311	11	183.231.842.123	181.753.408.180
2- Phải trả người bán	312		47.093.869.956	80.579.496.955
3- Người mua trả tiền trước	313		12.278.669.589	14.765.495.130
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	9.134.656.586	5.454.522.256
5- Phải trả công nhân viên	315		27.022.663.233	18.033.217.933
6- Chi phí phải trả	316		4.807.782.977	6.703.380.396
7- Phải trả nội bộ	317		-	-
9- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	30.255.264.958	20.062.222.701
10- Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.230.276.633	5.851.325.633
12- Doanh thu chưa thực hiện	328			
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>510.294.365.462</b>	<b>429.149.370.532</b>
1- Phải trả dài hạn người bán	331		-	9.965.771.606
2- Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3- Phải trả dài hạn khác	333	14	16.919.450.861	10.902.972.561
4- Vay và nợ dài hạn	334	15	492.654.057.561	407.571.895.000
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		720.857.040	708.731.365
7- Dự phòng phải trả dài hạn	337			
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>351.063.805.099</b>	<b>310.817.279.113</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>351.063.805.099</b>	<b>310.817.279.113</b>
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	200.000.000.000	200.000.000.000
6- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7- Quỹ đầu tư phát triển	417	16	64.244.999.415	64.244.999.415
8- Quỹ dự phòng tài chính	418	16	7.681.887.070	7.681.887.070
9- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	79.136.918.614	38.890.392.628
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.179.413.196.616</b>	<b>1.073.169.718.829</b>

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2010	NGÀY 1/1/2010
1- Tài sản thuê ngoài				
4- Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			303.509.700	303.509.700
5- Ngoại tệ các loại (USD)			450.925,31	2.559.487,54
6- Dự toán chi sự nghiệp, dự án				





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
NĂM 2010**

*Đơn vị tính: Đồng*

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2010	NĂM 2009
1	2	3	4	5
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	938.149.078.030	659.383.278.902
2- Các khoản giảm trừ	02			
+ Chiết khấu thương mại	04			
+ Giảm giá hàng bán	05			
+ Hàng bán bị trả lại	06			
+Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế XK, thuế GTGT	07			
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		938.149.078.030	659.383.278.902
4- Giá vốn hàng bán	11	18	799.686.009.149	623.027.543.602
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		138.463.068.881	36.355.735.300
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	3.869.513.205	43.677.067.944
7- Chi phí tài chính	22	20	92.614.510.319	32.432.693.868
8- Chi phí bán hàng	24		20.715.861.384	13.286.141.908
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.304.244.809	25.288.149.762
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh 30=20+(21-22)-(24+25)			697.965.574	9.025.817.706
11- Thu nhập khác	31		55.528.619.031	14.142.935.974
12- Chi phí khác	32		2.774.588.742	167.551.363
13- Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	21	52.754.030.289	13.975.384.611
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53.451.995.863	23.001.202.317
15- Chi phí TNDN hiện hành	51	22	12.878.046.246	5.357.502.816
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		40.573.949.617	17.643.699.501
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.029	882



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM 2010	NĂM 2009
1	2	3	4	5
<b>I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		881.484.826.850	641.971.746.632
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(561.766.519.965)	(426.673.613.427)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(102.950.915.561)	(104.641.282.347)
4- Tiền chi trả lãi vay	04		(53.919.225.572)	(21.946.255.496)
5- Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(10.031.029.803)	(73.408.163)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		59.072.915.748	38.779.042.036
7- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(97.352.633.974)	(55.252.195.278)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>114.537.417.723</b>	<b>72.164.033.957</b>
<b>II- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(291.185.289.366)	(460.565.301.623)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		60.355.665.220	13.608.116.250
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(96.340.000)	(1.110.940.000)
6- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		205.135.480	57.400.000.000
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.051.600.993	4.891.612.043
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(228.669.227.673)</b>	<b>(385.776.513.330)</b>
<b>III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ SH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		478.803.686.854	482.921.960.675
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(423.170.906.943)	(122.965.376.189)
5- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(97.000.000)	(29.417.440.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>55.535.779.911</b>	<b>330.539.144.486</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(58.596.030.039)</b>	<b>16.926.665.113</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>	<b>60</b>		<b>77.548.960.147</b>	<b>61.796.638.047</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VII.34	1.129.147.403	(1.174.343.013)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>VII.34</b>	<b>20.082.077.511</b>	<b>77.548.960.147</b>



❖ **Thuyết minh Báo cáo tài chính :**

**1.THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu**

Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship (gọi tắt là "Công ty") trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0203002740 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 09/4/2009. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là VNA.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 1 đường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 1055 (năm 2009: 1064).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh vận tải biển, Khai thác cầu cảng, kho bãi và dịch vụ giao nhận, kho vận; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải nội địa, đại lý container; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ Khai thuê hải quan; Dịch vụ hợp tác lao động; Cho thuê văn phòng, kinh doanh khách sạn; Dịch vụ xuất nhập khẩu; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

***Tính liên tục hoạt động***

Tại ngày 31/12/2010, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 184.285.689.266 VND (ngày 31/12/2009 là 175.503.306.593 VND). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng tới khả năng thanh toán hiện tại và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá để xây dựng kế hoạch kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp trong thời gian tới của Công ty. Để bù đắp thiếu hụt nguồn vốn lưu động, Ban Giám đốc Công ty cũng có kế hoạch thanh lý một số tài sản cố định khai thác không hiệu quả. Ban Giám



đốc đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm duy trì thị trường truyền thống, tìm kiếm thị trường mới nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí và tin tưởng vào kết quả hoạt động kinh doanh khả quan trong năm 2011. Hiện tại, Công ty cũng đang thực hiện các thủ tục để thực hiện tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VND theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2010. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo được lập trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục là phù hợp.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN VỀ CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**



Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí bảo hiểm và các khoản chi phí trả trước ngắn hạn khác

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2010	Năm 2009
	Số năm	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25	05 - 25
Máy móc và thiết bị	06 - 10	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn(*)	04 - 30	04 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 06	03 - 06

(\*) Năm 2009, Công ty thực hiện trích khấu hao phương tiện vận tải theo hướng dẫn của Công văn số 17274/BTC-TCDN ngày 10/12/2009 của Bộ Tài chính với mức giảm chi tiết cho từng phương tiện vận tải của Công ty từ 25% đến 42% so với năm trước đó.



Năm 2010, Công ty không còn được áp dụng mức trích khấu hao này nữa mà thực hiện xác định thời gian hữu dụng ước tính của tài sản để tính khấu hao theo quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và Công văn số 7136 TC/TCĐN ngày 28/6/2004 của Bộ Tài chính đối với thời gian khấu hao tàu đóng mới của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Việc thay đổi tỷ lệ khấu hao này làm cho chi phí khấu hao trong năm 2010 tăng lên so với năm 2009 với số tiền khoảng 31 tỷ VND.

Công ty cũng thực hiện thay đổi thời gian khấu hao của 2 con tàu là tàu Mỹ Hưng và tàu Vinaship Gold lên mức 18 năm (so với mức 15 năm trước đây). Theo đó, chi phí khấu hao trong năm tài chính 2010 giảm đi với số tiền khoảng 524 triệu VND.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng thời gian hữu dụng ước tính áp dụng trong năm 2010 sẽ phản ánh phù hợp hơn tình hình sản xuất kinh doanh cũng như hiệu suất sử dụng tài sản cố định của Công ty.

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 05 đến 25 năm.

#### **Các khoản đầu tư chứng khoán**



Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Năm tài chính 2010 là năm đầu tiên trong kế hoạch sửa chữa lớn được Công ty xây dựng trong vòng 3 năm cho công tác sửa chữa lớn các tàu đang sử dụng. Chi phí sửa chữa lớn ước tính này là số liệu ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản chi phí sửa chữa cho thời gian hoạt động trong vòng 3 năm áp dụng cho từng tàu trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty.

### **Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán



được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Trong năm 2009, Công ty đã áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo quy định của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư này có khác biệt so với quy định của VAS10 áp dụng trong năm 2010. Theo đó, Công ty đã áp dụng hồi tố việc xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của VAS10 cho năm 2009 khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Chi tiết của việc điều chỉnh hồi tố này được trình bày tại Thuyết minh số 5.

### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và năm 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo (năm 2009, năm 2010 và 2011) kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo





cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt nam.

## **5. Điều chỉnh hồi tố**

Trong năm 2009, Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Thông tư 201 do Bộ Tài chính ban hành. Trong năm 2010, Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng Chuẩn mực kế toán số 10 – VAS 10 để xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Do vậy, Công ty thực hiện áp dụng hồi tố lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 vào chi phí tài chính trong năm 2009 theo quy định của VAS 10. Chi tiết ảnh hưởng của điều chỉnh hồi tố như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Số liệu năm</b>	<b>Số liệu năm</b>	<b>Chênh lệch</b>
	<b>2009 sau điều chỉnh hồi tố</b>	<b>2009 trước điều chỉnh hồi tố</b>	<b>điều chỉnh hồi tố</b>
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	38.890.392.628	41.200.224.714	(2.309.832.086)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(2.309.832.086)	2.309.832.086
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			
Chi phí tài chính	32.432.693.868	30.122.861.782	2.309.832.086
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.643.699.501	19.953.531.587	(2.309.832.086)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	882	998	(116)

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2010</b> <b>(VNĐ)</b>	<b>31/12/2009</b> <b>(VNĐ)</b>
Tiền mặt	756.198.000	2.894.829.437
Tiền gửi ngân hàng	17.325.879.511	74.654.130.710
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
	<b>20.082.077.511</b>	<b>77.548.960.147</b>

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2010</b> <b>(VNĐ)</b>	<b>31/12/2009 (VNĐ)</b>
Nhiên liệu	25.254.151.394	31.692.467.969
Phụ tùng, vật liệu	8.455.822.656	9.037.684.382
Hàng hoá	820.580.520	302.498.797
	<b>34.530.554.570</b>	<b>41.032.651.148</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2010	26.3483.291.525	144.530.048	1.327.503.034.320	1.411.595.042	1.355.407.450.935
Tăng trong năm	701.649.090	-	276.831.444.551	62.444.800	277.595.538.441
- Tăng do mua sắm	-	-	276.831.444.551	62.444.800	276.893.889.351
-Tăng do XDCB bàn giao	701.649.090	-	-	-	701.649.090
Giảm trong năm	-	-	67.353.069.944	-	67.353.069.944
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	63.766.241.711	-	63.766.241.711
- Giảm khác (*)	-	-	3.586.828.233	-	3.586.828.233
Tại ngày 31/12/2010	27.049.940.615	144.530.048	1.539.981.408.927	1.474.039.842	1.565.649.919.432
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2010	5.103.126.957	119.768.775	476.068.095.097	1.224.241.949	482.515.232.778
- Khấu hao trong năm	1.803.797.750	8.957.071	110.447.810.039	76.405.722	112.336.970.582
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	61.168.595.762	-	61.168.595.762
Tại ngày 31/12/2010	6.906.924.707	128.725.846	525.347.309.374	1.300.647.671	533.683.607.598
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>20.143.015.908</b>	<b>15.804.202</b>	<b>1.011.634.099.553</b>	<b>173.392.171</b>	<b>1.031.966.311.834</b>
<b>Tại ngày 31/12/2009</b>	<b>21.245.164.568</b>	<b>24.761.273</b>	<b>851.434.939.223</b>	<b>187.353.093</b>	<b>872.892.218.157</b>

(\*) Giảm do Công ty quyết toán việc mua tàu Vinaship Gold với Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long.

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 50.883.788.098 VNĐ ( 31 tháng 12 năm 2009: 32.156.747.881 VNĐ)



Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng (xem Thuyết minh số 15).

**9. Bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa , vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>5.683.747.331</b>	<b>128.290.146</b>	<b>5.812.037.477</b>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>5.683.747.331</b>	<b>128.290.146</b>	<b>5.812.037.477</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>5.508.586.602</b>	<b>125.273.436</b>	<b>5.633.860.038</b>
Khấu hao trong năm	<i>175.160.729</i>	<i>3.016.710</i>	<i>178.177.439</i>
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	<b>5.683.747.331</b>	<b>128.290.146</b>	<b>5.812.037.477</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	-	-	-
<b>Tại ngày 28/12/2009</b>	<b>175.160.729</b>	<b>3.016.710</b>	<b>178.177.439</b>

**10. Đầu tư dài hạn khác**

Chi tiết số dư đầu tư cổ phiếu tại ngày 31/12/2009 như sau:

Cổ phiếu	Số lượng (cổ phần)	Giá trị đầu tư ghi số VND
1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải	418.504	4.185.040.000
2. Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	60.000	1.276.000.000
3. Công ty Cổ phần Phân đạm và Hoá chất dầu khí	25.000	1.310.637.500
4. Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	33.686	537.018.920
5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương VN	32.783	3.177.830.000
6. Tổng Công ty Bia Rượu Nước Giải khát SG	160.000	11.200.000.000
7. Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên	18.900	485.801.225
<b>Cộng</b>		<b>22.172.327.645</b>

Trong năm 2010, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu với giá trị là 1.613.000.000 VND.

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>63.506.867.123</b>	<b>92.594.428.180</b>
Ngân hàng TMCP Hàng hải (Chi nhánh Hải Phòng) (i)	12.576.946.376	22.724.134.597
Ngân hàng TMCP Bảo Việt(ii)	50.929.920.747	57.311.593.583
Bonvoy Navigation Limited (iii)	-	12.558.700.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>119.724.975.000</b>	<b>89.158.980.000</b>
	<b>183.231.842.123</b>	<b>181.753.408.180</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng số 00036/09/HP ngày 27/3/2009 với hạn mức tối đa là 50.000.000.000 VND, lãi suất 6,2%/năm. Giá trị tài sản đảm bảo liên quan đến khoản vay này có giá trị 72.000.000.000 tỷ (bao gồm giá trị tàu Bình Phước, tàu Hà Đông, tàu Hà Tiên).

(ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Bảo Việt (BAOVIET BANK) theo Hợp đồng số 187.2009.HĐTD ngày 29/10/2009 với hạn mức tối đa là 80.000.000.000 VND với lãi suất vay theo Quy định của BAOVIET BANK tại thời điểm giải ngân. Giá trị tài sản đảm bảo liên quan đến khoản vay này là các tàu của Công ty bao gồm: Tàu Chương Dương, tàu Hưng Yên và tàu Hà Nam.

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	14.925.391	8.863.899
Thuế xuất nhập khẩu	1.815.529	3.331.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.972.975.197	5.125.958.754
Thuế thu nhập cá nhân	1.133.519.444	316.368.588
Các loại thuế khác	11.421.025	
	<b>9.134.656.586</b>	<b>5.454.522.256</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.177.816.636	1.918.893.786
Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	21.172.539.613	12.400.000.000
<b>Trong đó:</b>		
- Sửa chữa tàu Green Sea	7.360.786.383	-
- Lãi vay phải trả	1.411.753.230	-
- Cổ tức phải trả	12.400.000.000	12.400.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.904.908.709	5.743.3283.915
	<b>30.255.264.958</b>	<b>20.062.222.701</b>

**14. Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt nam về cổ phần hoá	-	10.902.972.561
Trích trước chi phí sửa chữa lớn dài hạn	16.919.450.861	-
	<b>16.919.450.861</b>	<b>10.902.972.561</b>

**15. Vay và nợ dài hạn**

	31/12/2010 (VND)	31/12/2009 (VND)
<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Hải Phòng</b>	<b>110.096.000.000</b>	<b>128.983.000.000</b>
HĐ 01/2003/HĐTD (i)	32.500.000.000	39.375.000.000
HĐ 04/2006/HĐTD (ii)	77.596.000.000	89.608.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Hàng hải – CN Hải Phòng</b>	<b>314.176.540.000</b>	<b>365.547.875.000</b>
HĐ 00787/07/HP (iii)	39.757.200.000	59.205.300.000
HĐ 033/09/HP ngày 11/3/2009 (iv)	128.264.300.000	144.873.575.000
HĐ 0198/09/HP ngày 12/10/2009 (v)	146.155.040.000	161.469.000.000
<b>Ngân hàng TMCP VN Thường tín – CN Hải Phòng</b>	-	<b>2.200.000.000</b>
HĐ 119/HĐTD.VBHP.09 Container 10 tấn (vi)	-	2.200.000.000
<b>Ngân hàng TMCP Công thương VN-CN Lê Chân</b>	<b>177.203.520.000</b>	-
HĐ 01.09/HĐTD-DH (1/12/2009) Tàu Vinaship Sea (vii)	177.203.520.000	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	10.902.972.561	-
HĐVV 05/2010/VNL-VNS (viii)	10.902.972.561	-
	<b>612.379.032.561</b>	<b>496.730.875.000</b>

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2003/HĐTD ngày 28/03/2003: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 75.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Khoản vay được trả hàng tháng và trong vòng 120 tháng, thời gian bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 4/2005. Lãi suất vay là 3%/năm, lãi trả hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Mỹ Hưng làm đảm bảo cho khoản vay.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 04/2006/HĐTD ngày 06/11/2006: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 118.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Nợ gốc được trả hàng tháng và trong vòng 108 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 11/2008. Lãi suất vay là 7,8%/năm, lãi trả hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Vinaship Gold để đảm bảo cho khoản vay.

(iii) Hợp đồng tín dụng số 0078/07/HP tháng 7/2007 và phụ lục điều chỉnh: Công ty đã ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 6.000.000 USD, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên. Nợ gốc được trả ba tháng một lần và trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 11/2007. Lãi suất vay là SIBOR 6 tháng cộng 1,8%/năm, lãi trả cùng với ngày trả gốc. Công ty đã thế



chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Vinaship Ocean và 01 con tàu khác của Công ty để đảm bảo cho khoản vay.

(iv) Hợp đồng tín dụng số 033/09/HP ngày 11/03/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng (Maritime Bank) với số tiền vay là 9.450.000 USD, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Nợ gốc được trả tháng và trong vòng 84 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 06/2009. Lãi suất kỳ đầu tiên vay là 6.5%/năm, từ kỳ thứ hai trở đi lãi suất bằng tiền gửi tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Maritime Bank quy định tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 3%, lãi trả hàng tháng kể từ khi phát sinh dư nợ vay. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay là tàu Vinaship Diamond để đảm bảo cho khoản vay.

(v) Hợp đồng tín dụng số 0198/09/HP ngày 12/10/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải – Chi nhánh Hải Phòng (Maritime Bank) với số tiền vay là 9.000.000.000 USD, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên cho đến khi bên vay trả hết nợ gốc, lãi vay và các chi phí nếu có. Thời gian trả nợ lãi là 3 tháng một kỳ kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi điều chỉnh 3tháng/lần.. Nợ gốc được trả tháng và trong vòng 84 tháng, bắt đầu trả nợ gốc từ tháng 06/2009. Kỳ đầu tiên là 7.0%/năm, từ kỳ thứ hai trở đi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Maritime Bank quy định tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) 3.2% nhưng không thấp hơn 7%/năm và chịu sự điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của Maritime Bank. Khoản vay này được đảm bảo bằng tàu chở hàng khô hình thành từ nguồn vốn vay là tàu MERCURY FRONTIER TRIJ GIÁ 12.900.000 USD.

(v) Hợp đồng tín dụng số 119/HĐTD.VBHP.09 ngày 18/11/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng Thương Tín – Chi nhánh Hải Phòng với số tiền vay là 2.600.000.000 VND, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền lần đầu Nợ gốc được trả trong vòng 3 tháng, kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Thời gian trả nợ lãi là 1 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu. Lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể. Phí gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn: 0.02% số tiền gia hạn hoặc điều chỉnh kỳ hạn. Khoản vay này được dùng bổ sung vốn kinh doanh, đầu tư mở rộng bãi chứa container và mua một xe nâng container Ferrari 248. Công ty đã thế chấp 1 xenâng container nhãn hiệu KONECRANER do Trung Quốc sản xuất năm 2008, với giá trị tài sản là 4.198.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay.

(vii) Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 1/12/2009: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lê Chân với số tiền vay là



11.000.000 USD, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích sử dụng tiền vay là mua tàu biển Eternal Island (Vinaship Sea). Thời hạn rút vốn chậm nhất đến 29/1/2010. Nợ gốc được trả thành 32 kỳ, 3 tháng/kỳ, mỗi kỳ trả 335.000 USD, kỳ cuối trả 315.000 USD. Lãi suất áp dụng theo mức lãi suất thả nổi bằng mức lãi suất tiền gửi tài khoản USD 12 tháng trả lãi do Ngân hàng TMCP Công thương công bố + biên độ 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay USD của Ngân hàng TMCP Công thương quy định trong từng thời kỳ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Lãi suất phạt quá hạn bằng 50% lãi suất vay vốn. Mức phạt chậm trả lãi áp dụng bằng 150% lãi suất vay vốn tính trên số dư lãi không trả đúng hạn, tối thiểu là 10.000 VND và tối đa không quá 5% số tiền lãi chậm trả. Lãi tiền vay được trả cố định vào ngày 20 hàng tháng. Công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và con tàu Mỹ Thịnh của Công ty làm đảm bảo cho khoản vay.

(viii) Hợp đồng vay vốn số 05/2010/VNL-VNS ngày 19/8/2010: Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với số tiền vay là 10.902.972.561 VND, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 29/7/2009 đến ngày 29/7/2012. Nợ gốc và lãi được hoàn trả 3 tháng/lần từ ngày 29/7/2010. Lãi suất vay cố định 10,2%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Trong vòng một năm	119.724.975.000	89.158.980.000
Trong năm thứ hai	115.944.857.561	89.158.980.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	254.594.360.000	171.258.460.000
Sau năm năm	122.114.840.000	147.154.455.000
<b>Cộng</b>	<b>612.379.032.561</b>	<b>496.730.875.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	119.724.975.000	89.158.980.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>492.654.057.561</b>	<b>407.571.895.000</b>

## 16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Trình bày lại)	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2009</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>25.237.399.445</b>	<b>62.249.646.256</b>	<b>6.684.210.491</b>
Lợi nhuận trong năm	-	17.643.699.501	-	-
Trích quỹ trong năm	-	(3.990.706.318)	1.995.353.159	997.676.579
<b>Tại ngày 01/01/2010</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>38.890.392.628</b>	<b>64.244.999.415</b>	<b>7.681.887.070</b>
Lợi nhuận trong năm	-	40.573.949.617	-	-
Giảm trong năm	-	(327.423.631)	-	-
Tại ngày 31/12/2010	<b>200.000.000.000</b>	<b>79.136.918.614</b>	<b>64.244.999.415</b>	<b>7.681.887.070</b>



**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 200 tỷ VND. Tại ngày 31/12/210, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	102.000.000.000
Vốn của các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	98.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>200.000.000.000</b>

**Trích các quỹ và cổ tức**

Theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, lợi nhuận năm 2009 được phân phối và trích lập vào các quỹ như sau:

- \* Quỹ đầu tư phát triển 10% tương đương 1.995.353.159 VND
- \* Quỹ dự phòng tài chính 5% tương đương 997.676.579 VND

Công ty đã tạm trích lập các quỹ trên khi lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009.

**Tăng vốn điều lệ**

Cũng theo Nghị quyết trên, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VND với phương án như sau:

- \* Chia cổ tức bằng cổ phiếu với giá trị theo mệnh giá là 30 tỷ VND và tỷ lệ là 1:0,15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được chia cổ tức bằng cổ phiếu mới là 15 cổ phiếu).
- \* Phát hành tăng vốn cho cổ đông hiện hữu với giá trị theo mệnh giá là 70 tỷ VND và tỷ lệ là 1:0,35 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được mua 35 cổ phiếu mới).

Ngày 20 tháng 01 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 07/UBCK-GCN cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu) là 70 tỷ VND.

Ngày 10 tháng 3 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 236/QĐ-UBCK chấp thuận gia hạn Giấy Chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu trên đến hết ngày 20 tháng 5 năm 2011. Trong thời gian gia hạn, Công ty phải hoàn thành việc phân phối cổ phiếu.



**17. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoạt động vận tải biển	840.914.082.283	567.559.598.840
Hoạt động khác	97.234.995.747	91.823.680.062
	<b>938.149.078.030</b>	<b>659.383.278.902</b>

**18. Giá vốn dịch vụ cung cấp**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoạt động vận tải biển	710.349.916.294	540.748.143.043
Hoạt động khác	89.336.092.855	82.279.400.559
	<b>799.686.009.149</b>	<b>623.027.543.602</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm	1.445.832.473	937.605.020
Lãi do chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.737.912.212	9.385.080.024
Cổ tức được chia	640.904.000	3.954.382.900
Doanh thu hoạt động đầu tư	44.864.520	29.400.000.000
	<b>3.869.513.205</b>	<b>43.677.067.944</b>

**20. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>Trình bày lại</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	56.534.003.426	22.957.253.317
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.466.756.893	12.143.440.551
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.613.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(2.700.000.000)
Chi phí hoạt động đầu tư	750.000	32.000.000
	<b>92.614.510.319</b>	<b>32.432.693.868</b>

**21. Lợi nhuận khác**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>55.528.619.031</b>	<b>14.142.935.974</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	55.491.513.837	12.959.444.048
Thu nhập khác	37.105.194	1.183.491.926
<b>Chi phí khác</b>	<b>2.774.588.742</b>	<b>167.551.363</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.604.191.403	-
Chi phí khác	170.397.339	167.551.363
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>52.754.030.289</b>	<b>13.975.384.611</b>

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>Trình bày lại</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>53.451.995.863</b>	<b>23.001.202.317</b>
Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	1.332.965.378	73.359.762
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(2.950.736.086)	(3.954.382.900)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>51.834.225.155</b>	<b>19.120.179.179</b>
Thu nhập chịu thuế ở mức thuế suất 12,5% (*)	644.080.346	-
Thu nhập chịu thuế ở mức thuế suất 25%	51.190.144.809	19.120.179.179
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>12.878.046.246</b>	<b>5.357.502.816</b>

(\*) Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2011) kể từ khi chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần. Trong năm, hoạt động chính của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 50% của 25%, hoạt động khác của công ty chịu thuế suất theo quy định hiện hành là 25%.

**23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>Trình bày lại</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>40.573.949.617</b>	<b>17.643.699.501</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.029</b>	<b>882</b>

**24. Các khoản cam kết****Cam kết thuê hoạt động**

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	592.194.000	475.491.000

Theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/6/2010 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010, Công ty có kế hoạch mua 1 - 2 tàu đã qua sử dụng trọng tải từ 15.000 DWT - 30.000 DWT với giá từ 15-20 triệu USD/tàu, và bán 03 - 04 tàu già hiện khai thác không hiệu quả và thu về khoảng 2-3 triệu USD

**Cam kết đầu tư**

Đến ngày 31/12/2010, Công ty đã ký hợp đồng mua tàu với giá trị 14.945.000 USD.



## 25. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam</b>		
Trả cổ tức trong năm	-	28.400.000.000
Điều chỉnh khoản phải trả về cổ phần hoá	-	7.399.991
Số dư với các bên liên quan		
	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>

### Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Các khoản phải trả	19.760.786.383	23.302.972.561
Vay dài hạn	10.902.972.561	-
Lãi vay phải trả	1.411.753.230	-

Thu nhập của Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2010</b>	<b>Năm 2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	1.238.139.527	1.196.504.052

## 26. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 20 tháng 01 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 07/UBCK-GCN cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với tổng giá trị chào bán (tính theo mệnh giá cổ phiếu) là 70 tỷ VND.

Ngày 23 tháng 2 năm 2011, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã có Thông báo số 561/TB-VSD về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu của Công ty.

Ngày 10 tháng 3 năm 2011, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Quyết định số 236/QĐ-UBCK chấp thuận gia hạn Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng nêu trên đến hết ngày 20 tháng 5 năm 2011



## 27. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được kiểm toán. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại Thuyết minh số 5 và được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

## PHẦN VI: BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### 1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Địa chỉ: Số 8 Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam  
Điện thoại: +84-4 38524123  
Fax: +84-4 38524143  
Website: [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Deloitte Việt Nam phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Công ty cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban giám đốc Công ty cp Vận tải biển Vinaship cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính và tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến sau:

*" Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.*

*Chúng tôi xin lưu ý tới Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 184.285.689.266 VND (năm 2009: 175.503.306.593 VND). Việc thiếu hụt vốn lưu động này có*



*thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.”*

*Công ty TNHH Deloitte Việt Nam*

## **2. Kiểm toán nội bộ: không có**

### **PHẦN VI: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN**

#### **1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty**

##### **Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam**

Địa chỉ: Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, p.Phương Mai, q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: +(84-4) 5770825 – 29 Fax: +(84-4) 5770850/60

Tỷ lệ nắm giữ: 51% Vốn điều lệ

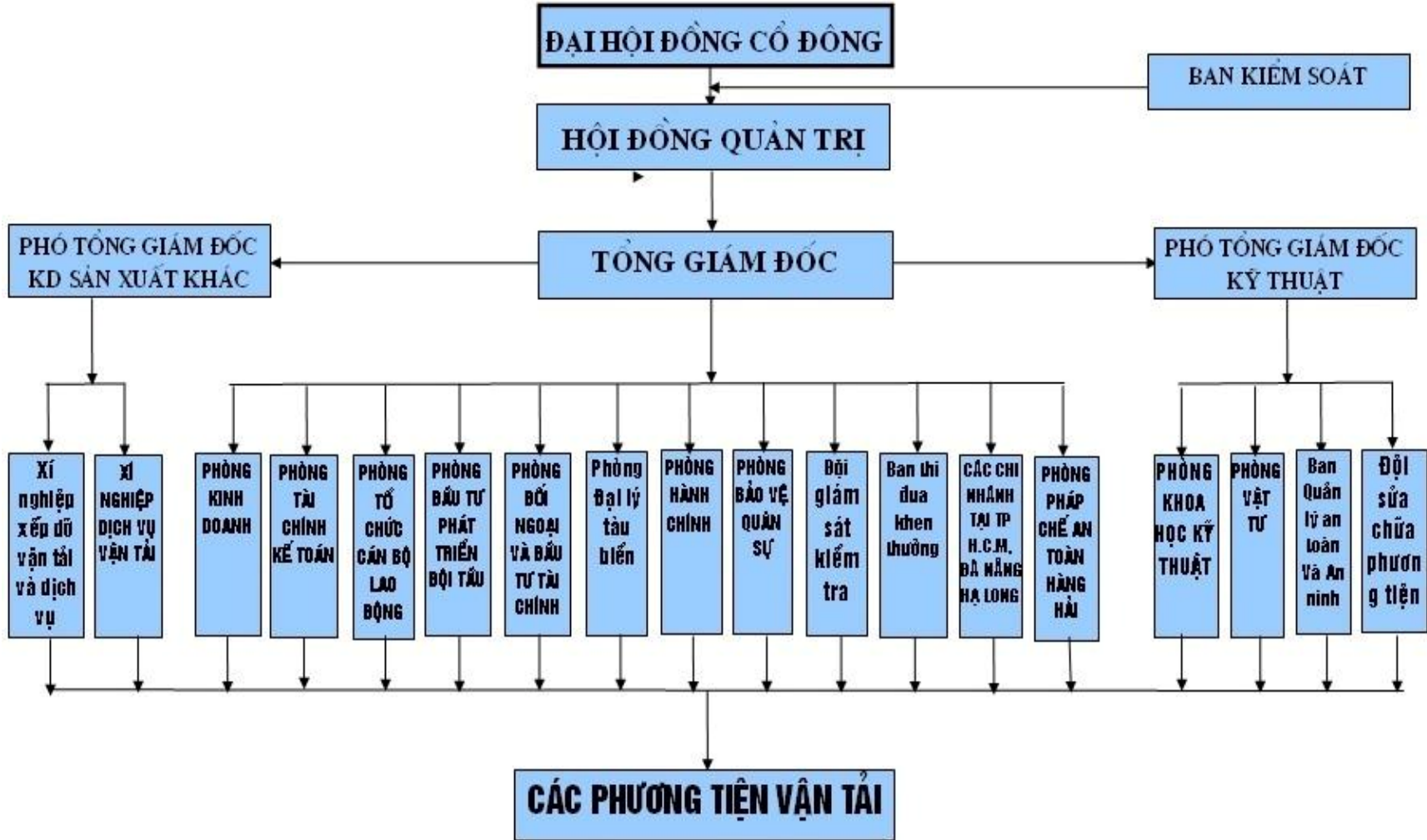
#### **2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ (tính đến ngày 31/12/2009): không có**

### **PHẦN VII: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**

#### **1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy của Công ty**

Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship được thành lập từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước với hình thức bán một phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn. Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.

##### **Sơ đồ bộ máy Công ty**





## **2. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

### **❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty**

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2010, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 1055 người

*Đơn vị tính : Người*

<b>Yếu tố</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2010</b>
• Số lượng nhân viên	<b>1061</b>	<b>1055</b>
• Mức lương bình quân (đồng/người/tháng)	<b>7.556.728</b>	<b>9.977.611</b>
<b>Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
• Đại học và Trên đại học	358	369
• Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp	703	686
<b>Phân theo thời hạn hợp đồng</b>		
• LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Cđoàn)	04	-
• Hợp đồng không xác định thời hạn	399	332
• Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm	570	644
• Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	88	79

### **❖ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

#### **- Chính sách đào tạo**

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:



- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước... Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập

#### **- Chính sách lương**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty.

#### **- Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

#### **- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:





- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

## PHẦN VIII: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

#### 1.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị Công ty gồm bảy (07) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành phần Hội đồng quản trị

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Chủ tịch	Đỗ Văn Hội	06/02/1954	030840161
Phó Chủ tịch	Cao Minh Tuấn	25/7/1963	023414257
Ủy viên	Mai Xuân Ngoạt	30/12/1957	030767200
Ủy viên	Lã Đức Trọng	20/01/1950	030107769



Ủy viên	Vương Ngọc Sơn	23/7/1961	031288529
Ủy viên	Đình Văn Cầu	06/4/1961	012825529
Ủy viên	Đoàn Văn Minh	02/10/1962	030468464

**▪ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị****1) Ông Đỗ Văn Hội**

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 06/02/1954  
Nơi sinh: Hải Phòng  
Chứng minh nhân dân: 030840161 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 132/165 Đà Nẵng, Ngô Quyền, Hải Phòng  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác tàu thủy  
Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
12/1979 – 8/1984	Lữ đoàn 171 Bộ Tư lệnh Hải quân	Bộ đội Hải quân, Thiếu úy, Truy úy
9/1984 – 1/1998	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
2/1998 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
7/1999 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 5/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc
5/2009 – nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải  
Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 32.500 cổ phần  
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Đến ngày 18/8/2010 là 2.400.000 cổ phần



Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Những người có liên quan: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**2) Ông Cao Minh Tuấn**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 25/7/1963  
 Nơi sinh: Hà Nội  
 Chứng minh nhân dân: 023414257 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp.  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: 5E, Nguyễn Đình Chiểu, Đakao, Hồ Chí Minh.  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.  
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986 – 1992	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
8/1992 – 5/1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ điều động tại Thành phố Hồ Chí Minh
6/1997 – 6/1999	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Phó Giám đốc Chi nhánh
7/1999 – 12/2005	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Giám đốc Chi nhánh
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó Tổng Giám đốc
1/2007 – 05/2009	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Tổng Giám đốc kiêm ủy viên HĐQT
5/2009 – nay	Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship	Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải



Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 121.900 cổ phần  
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Đến ngày 18/8/2010 là 2.400.000 cổ phần  
Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thị Thanh Hưng	Vợ	50.600	0,253
2	Cao Thị Hải Đường	Em	3.000	0,015

Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**3) Ông Mai Xuân Ngoạt**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
Giới tính: Nam  
Ngày sinh: 30/12/1957  
Nơi sinh: Thanh Hóa  
Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp  
Dân tộc: Kinh  
Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển  
Quá trình công tác:



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1/1985 – 7/1994	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng kinh doanh
8/1994 – 11/1996	Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
12/1996 – 10/1998	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách	Phó Giám đốc Xí nghiệp
11/1998 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ
5/2001 – 6/2002	Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải	Giám đốc Xí nghiệp
6/2002 – 6/2004	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh
6/2004 – 7/2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Kinh doanh
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ

Các chức vụ tại tổ chức khác:

Số cổ phần sở hữu cá nhân :

Số cổ phần sở hữu Nhà nước:

Những người có liên quan:

Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải

Đến ngày 18/8/2010 là 98.100 cổ phần

Đến ngày 18/8/2010 là 1.800.000 cổ phần

Không



STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Mai Quốc Huy	Con	5.000	0,025
2	Mai Thị Nga	Em	100	0,0005

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

#### **4) Ông Lê Đức Trọng**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 20/01/1950

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030107769 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 105C Lê Lợi, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
3/1974 – 5/1979	Công ty Vận tải biển III	Thủy thủ, Sỹ quan tàu biển
6/1979 – 11/1982	Lữ đoàn 171, 125 Bộ tư lệnh Hải quân	Thượng úy, Đại úy, Thuyền phó 1
12/1982 – 3/1996	Công ty Vận tải biển III	Sỹ quan tàu biển
4/1996 – 1998	Công ty Vận tải dầu khí Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh	Phó Giám đốc Chi nhánh
5/1998 – 10/1998	Xí nghiệp sửa chữa tàu biển	Phó Giám đốc phụ trách khu vực Hải Phòng
11/1998 –	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
12/2006		động
1/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không  
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 38.100 cổ phần  
 Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Đến ngày 18/8/2010 là 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hòa	Vợ	4.000	0,02
2	Lã Trọng Quân	Con	4.000	0,02

Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**5) Ông Vương Ngọc Sơn**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 23/7/1961  
 Nơi sinh: Hải Phòng  
 Chứng minh nhân dân: 031288529 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quýnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1986-1996	Công ty Vận tải biển III	Quản trị tàu biển
1997	Công ty Vận tải biển III	Học nghiệp vụ



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1998 – 2006	Công ty Vận tải biển III	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng, ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 21.900 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Đến ngày 18/8/2010 là 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Vợ	3.100	0,0155
2	Vương Minh Hải	Em	1.300	0,0065

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **6) Ông Đinh Văn Cầu**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/4/1961

Nơi sinh: Nghệ An

Chứng minh nhân dân: 012825529 do Công an Thành phố Hà Nội cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 24B, Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:





<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1985 – 1991	Đại lý hàng hải Việt Nam	Cán bộ
1991 – 1993	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Kế toán trưởng
1993 – 1995	Ngân hàng TMCP Hàng Hải	Chánh văn phòng
1996 – 1998	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Chuyên viên Ban tài chính
1998 – 2002	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Phó Trưởng Ban Tài chính - Kế toán
2002 – nay	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Trưởng Ban Quản lý các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Các chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng Ban Quản lý các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/08/2010 là 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: Đến ngày 18/08/2010 là 1.800.000 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **7) Ông Đoàn Văn Minh**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 02/10/1962

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030468464 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 4, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngân hàng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1984 – 1991	Ngân hàng ngoại thương Hải Phòng	Cán bộ
1991 – 1994	Văn phòng ECIP	Trưởng phòng Kế toán
1994 – 2000	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	Trưởng phòng Kế toán
2000 – 2003	Ngân hàng Hàng Hải Việt Nam	Trưởng phòng kinh doanh
2003 – 2005	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Phó Giám đốc điều hành
2006 – nay	Công ty cổ phần chứng khoán Hải Phòng	Ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Giấy Hải Âu, Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 35.100 cổ phần

Số cổ phần đại diện: Đến ngày 18/8/2010 là 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### **1.2 Ban Tổng giám đốc điều hành**

Ban Tổng giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có ba (03) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban Tổng giám đốc

<b>Chức vụ</b>	<b>Tên</b>	<b>Tuổi/Năm sinh</b>	<b>CMND</b>
TGD	Cao Minh Tuấn	25/7/1963	023414257
Phó TGD	Mai Xuân Ngọt	30/12/1957	030767200



<b>Chức vụ</b>	<b>Tên</b>	<b>Tuổi/Năm sinh</b>	<b>CMND</b>
Phó TGD	Nguyễn Quang Duy	05/6/1963	030633647

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Tổng giám đốc (như trên đã nêu)

### **3) Ông Nguyễn Quang Duy**

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 05/6/1963  
 Nơi sinh: Hải Phòng  
 Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy  
 Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
7/1987 – 2/1989	Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô	Thợ máy dưới tàu
3/1989 – 6/1996	Công ty Vận tải biển III	Thợ máy
7/1996 – 11/2003	Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco)	Sỹ quan máy
12/2003 – 1/2006	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật
1/2006 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó trưởng phòng Khoa học kỹ thuật
1/2007 – 6/2009	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó trưởng phòng Vật tư
6/2009 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó Tổng Giám đốc

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không  
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 5.600 cổ phần  
 Số cổ phần đại diện: Đến ngày 18/8/2010 là 0 cổ phần



Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Hương Duyên	Vợ	11.000	0,06

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

### 1.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ	Tên	Tuổi/Năm sinh	CMND
Trưởng ban	Tô Hanh	5/12/1954	030878030
Thành viên	Đình Huy Dũng	16/9/1960	031510165
Thành viên	Trần Thị Kim Lan	22/10/1962	030168425

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

#### 1) Ông Tô Hanh

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh  
 Giới tính: Nam  
 Ngày sinh: 05/12/1954  
 Nơi sinh: Vĩnh Phúc  
 Chứng minh nhân dân: 030878030 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 10/44, Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển  
 Quá trình công tác:



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
4/1979 – 1/1986	Công ty Vận tải đường sông 204 Hà Nội	Cán bộ điều động
2/1986 – 10/1989	Tổng Cục đường biển	Cán bộ đối ngoại
11/1989 – 6/1994	Công ty Vận tải biển III	Quản trị
7/1994 – 1/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ Phòng Kinh doanh
1/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Kinh doanh
1/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Trưởng ban kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không  
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 13.300 cổ phần  
 Số cổ phần đại diện: Đến ngày 18/8/2010 là 0 cổ phần

Những người có liên quan:

STT	Họ và tên người có liên quan	Mối quan hệ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
1	Vũ Thị Trúc	Vợ	10.000	0,05

Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**2) Ông Đinh Huy Dũng**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/9/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Chứng minh nhân dân: 031510165 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 4/14/87, Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển



Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
6/1989 – 01/2001	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ
02/2001 – 12/2006	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động
01/2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không  
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 11.400 cổ phần  
 Số cổ phần đại diện: Đến ngày 18/8/2010 là 0 cổ phần  
 Những người có liên quan: Không  
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không  
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

**3) Bà Trần Thị Kim Lan**

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát  
 Giới tính: Nữ  
 Ngày sinh: 22/01/1962  
 Nơi sinh: Hải Phòng  
 Chứng minh nhân dân: 030168425 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp  
 Dân tộc: Kinh  
 Địa chỉ thường trú: Số 1, Khu tập thể Cảng 2, Lê Lợi, phường Máy Tơ, Hải Phòng  
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông

Quá trình công tác:

<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
1985 – 1997	Công ty Vận tải biển III	Cán bộ thương vụ Phòng Kinh doanh
4/1997 – 5/2001	Công ty Vận tải biển III	Phó phòng Tài chính Kế



<i>Thời gian</i>	<i>Nơi làm việc</i>	<i>Chức vụ</i>
		toán
5/2001 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại	Trưởng phòng Kế toán
2007 – nay	Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship	Ủy viên Ban kiểm soát
5/2008 – nay	Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải	Ủy viên HĐQT

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Kế toán  
 Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : Đến ngày 18/8/2010 là 500 cổ phần

Số cổ phần đại diện: Đến ngày 18/8/2010 là 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

## **2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông (theo danh sách chốt ngày 14/5/2010)**

### **2.1. Cổ đông trong nước**

#### **a. Cơ cấu cổ đông**

<b>STT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Số lượng CP sở hữu</b>	<b>Tỷ trọng (%)</b>
1	Cổ đông tổ chức	12.667.860	63,33
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	10.200.000	51,00
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	2.467.860	12,33
2	Cổ đông cá nhân	7.332.140	36,67



**b. Thông tin về cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội	0106000600	10.200.000	51

**2.2 Cổ đông nước ngoài**

STT	Danh mục	Số lượng CP sở hữu	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông tổ chức	663.320	3,32
	- Cổ đông sở hữu trên 5%	0	0
	- Cổ đông sở hữu dưới 5%	663.320	3,32
2	Cổ đông cá nhân	15.950	0,08

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK tp.HCM
- Lưu ...

*(Đã ký)*

**Đỗ Văn Hội**